

VUA HÀM NGHI TRÊN LỘ TRÌNH THIÊN ĐỘ SAU NGÀY 7/5/1885

TS. NGUYỄN TẤT THẮNG

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế

Ngày 25 tháng 8 năm 1883, triều đình Huế ký hiệp ước đầu hàng, chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn cõi nước ta. Biến động lớn này khiến cho sự phân hoá trong nội bộ triều Nguyễn đã có từ khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược, nay lại càng phân hóa sâu sắc hơn. Trong triều đình chia thành hai phe đối lập nhau: Phe "chủ hoà" đứng đầu là Trần Tiễn Thành, Tôn Thất Dụng và một số quan lại khác. Phe "chủ chiến" do Tôn Thất Thuyết - nguyên là Đệ tam Phụ chính Đại thần, Thượng thư bộ Binh - đứng đầu, muốn dựa vào dân để đánh đuổi kẻ thù xâm lược, khôi phục lại độc lập cho dân tộc.

Trong khi phe "chủ hoà" ngày càng gắn bó với thực dân Pháp, nhất nhất làm theo mọi yêu cầu của chúng, thì phe "chủ chiến" khản trương chuẩn bị lực lượng kháng Pháp. Họ gấp rút xây dựng căn cứ kháng chiến, tổ chức huấn luyện, tập hợp lực lượng, chuẩn bị lương thực thực phẩm, bí mật liên hệ với các văn thân, sĩ phu yêu nước đang tiếp tục kháng chiến ở các tỉnh, hình thành nên một mạng lưới đồn lũy, sơn phòng dọc theo dãy Trường Sơn từ Ninh Bình vào tận Bình Thuận để quyết một phen sống mái với kẻ thù. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa phe chủ chiến với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc, nó trở thành mâu thuẫn đối kháng, cả hai bên tích cực hoạt động nhằm loại trừ nhau. Trước những hành động quyết liệt của phe chủ chiến, thực dân Pháp thấy rằng cần phải nhanh chóng tiêu diệt những kẻ "cứng đầu" này để đảm bảo cho công cuộc thống trị và bóc lột lâu dài trên đất nước Việt Nam.

Để nhanh chóng thực hiện âm mưu đó, thực dân Pháp đã cử tướng De Courcy, một viên tướng rất hiểu chiến sang làm Tổng sứ ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, có toàn quyền quyết định về quân sự và chính trị để giải quyết vấn đề Việt Nam mà trước hết là tiêu diệt phe chủ chiến. Ngay sau khi đến Việt Nam, De Courcy đã triệu tập cuộc hội kiến với các sĩ quan của Pháp ở Hải Phòng. Ngày 27 tháng 6 năm 1885, De Courcy cùng với 4 đại đội bộ binh Pháp đáp hai tàu chiến vào thẳng Huế và gây ra những hành động khiêu khích. "Vừa đặt chân tới Huế, De Courcy đã tuyên bố "Đoạn chót của mọi việc là ở Huế", rồi trắng trợn đòi vua Hàm Nghi phải treo cờ Pháp trong thành nội, phải bắn đại bác chào mừng y và mở cửa Ngọ Môn cho quân lính của y đi vào. De Courcy còn đòi giải tán Hội

đồng quân cơ của lực lượng chủ chiến trong triều đình”¹. Với tất cả những hành động đó, De Courcy dự định bẻ gãy phe chủ chiến bằng việc bắt cóc Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường - là hai người đứng đầu phe chủ chiến; đặc biệt chúng đã lập mưu mời Hội đồng Phụ chính sang toà Khâm sứ để hội thương về việc vào yết kiến vua Hàm Nghi và trình thư của Tổng thống Pháp, qua đó buộc vua Hàm Nghi nhất nhất theo Pháp.

Nắm chắc âm mưu đó, Tôn Thất Thuyết và lực lượng chủ chiến chủ động ra tay trước. Đêm mùng 4 rạng sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885 (tức ngày 22 tháng 5 năm Ất Dậu), trong khi bọn De Courcy đang say sưa yến tiệc tại toà Khâm sứ bên bờ sông Hương, cuộc nổi dậy ở kinh thành bắt đầu. Tại hoàng thành, Tôn Thất Thuyết đã tổ chức lực lượng chia thành hai đạo. Một đạo do Tôn Thất Lệ (em trai Tôn Thất Thuyết) chỉ huy, có nhiệm vụ nửa đêm sang sông đánh úp toà Khâm sứ. Đạo còn lại do Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn chỉ huy đánh vào doanh trại quân Pháp ở đồn Mang Cá. Đúng 1 giờ sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh nổ súng. “Đạo quân do Trần Xuân Soạn chỉ huy được tăng cường nhóm tù nhân mới được thả ra đi tiên phong đánh vào khu vực nhượng địa và đồn Mang Cá, hai bên giáp lá cà, quân ta đánh rất hăng; một đạo quân khác do Tôn Thất Lệ chỉ huy đánh vào toà Khâm sứ có súng thần công nhà đạn trợ chiến”². Trong cảnh đêm khuya vắng lặng của chốn kinh đô, bỗng một tiếng đại bác nổ xé trời, tiếp đó là hàng loạt tiếng súng lớn nhỏ rền vang, lửa cháy rực ở toà Khâm sứ và đồn Mang Cá. Bị tấn công bất ngờ, lúc đầu quân Pháp hốt hoảng, lúng túng, nhưng rồi dựa vào đồn lũy kiên cố, vũ khí hiện đại, quân Pháp nhanh chóng ổn định lại lực lượng, cố thủ chờ đến sáng. Đến khi trời vừa sáng rõ, quân Pháp đã chuyển từ thế bị động phòng ngự sang phản công, đánh thẳng vào nội thành.

Trong cảnh hỗn chiến, Tôn Thất Thuyết nhanh chóng, bí mật đưa vua Hàm Nghi chạy ra khỏi hoàng thành. Pháp tuy chiếm được kinh thành Huế nhưng quyền hạn không vượt ngoài giới hạn đó. Sự thật là sau khi thắng trận, De Courcy vô cùng bối rối vì “Cuộc đổ máu ngày 5 tháng 7 đã biến đổi tất cả xứ An Nam, vị vua trẻ đã rời khỏi kinh thành, ở Huế không còn chính phủ, chính quyền, không còn ai để thi hành hiệp ước”³.

Sau khi rời khỏi hoàng thành, đoàn hộ giá đi về phía nhà thờ Kim Long, lên thẳng chùa Thiên Mụ. Vua Hàm Nghi ngồi kiệu do hai người lính khiêng. Lúc đầu Tôn Thất Thuyết định đưa Ngự đạo ẩn tại lãng Tự Đức nhưng thấy quá gần

¹. Trần Bá Đệ (2000), Lịch sử Việt Nam (từ 1858 đến nay), Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, tr.17.

². Trần Thị Hiếu, "Cuộc binh biến tại kinh thành Huế ngày 23/5 Ất Dậu", Kỷ yếu Hội nghị khoa học Lịch sử năm 1991, Trường Cao đẳng Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh tổ chức, tr.39.

³. Phạm Văn Sơn (1963), Việt Nam cách mạng cận sử, Nxb Gia Định, Sài Gòn, tr.44.

quân Pháp, không an toàn nên từ Kim Long tiến ra Trường Thi (thuộc làng La Chũ) và ở lại đó trong một đêm.

Sáng hôm sau, Ngự đạo rời khỏi làng La Chũ và đi về phía Bắc, do thời tiết nắng nóng lại có nhiều người già và trẻ nhỏ nên phải hơn một ngày mới ra tới Quảng Trị. Được tin cấp báo, Tuần vũ Quảng Trị là Trương Quang Đản cùng Án sát Trương Đính mang quân ra ngoài thành nghênh tiếp. Vua Hàm Nghi vào ngự tại hành cung, còn Đình thần và Hoàng phái thì chia ra ở tạm các dinh thự trong thành.

Vì thành Quảng Trị nhỏ, quân ít, lại gần Huế nên quân Pháp sẽ nhanh chóng đưa quân ra. Do đó, Tôn Thất Thuyết lập tức cho sửa sang đường từ thành Quảng Trị qua Cam Lộ rồi lên Tân Sở. Tôn Thất Thuyết còn lấy thêm lương thực tích trữ ở trong thành và hạ lệnh cho các tỉnh phía Bắc mộ thêm quân để tiếp tục quyết chiến với quân Pháp.

“Ngự đạo ở lại thành Quảng Trị 4 ngày, đến sáng ngày 10 tháng 7, vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết cùng 500 quân sĩ rời thành lên Tân Sở, căn cứ kháng chiến đã được chuẩn bị từ trước. Tại đây, ngày 13 tháng 7 năm 1885 đã phát đi rộng rãi khắp nước dụ Cần Vương. Và phong trào Cần Vương chống Pháp bắt đầu”.⁴

Tuy nhiên khi tới Tân Sở, Tôn Thất Thuyết sớm nhận ra những hạn chế của thành này như chưa hoàn chỉnh, thiếu lực lượng và lương thực, khí hậu khắc nghiệt và nhất là dễ bị cô lập. Do đó, sau hơn 10 ngày lưu ở Tân Sở, Tôn Thất Thuyết đưa Ngự đạo quay về Cam Lộ rồi lần lượt đi ra Bái Sơn, Trung Yên, Hảo Sơn. Tới Thủy Ba, trời tối nên Ngự đạo lưu lại đây một đêm (19/7). Sáng hôm sau, Tôn Thất Thuyết đưa đoàn ngự đạo đi sớm để ra Quảng Bình rồi ra Bắc, nhưng tới Lai Cách thì có thám tử chạy về báo quân Pháp đã đánh chiếm Động Hải (Đồng Hới - Quảng Bình).⁵

Đường ra Bắc bị chẹn ngang ở Quảng Bình, Tôn Thất Thuyết sợ quân Pháp tụ đóng ở cửa Nhật Lệ nên không dám tiến đánh, đành phải đưa Ngự đạo theo đường cũ, quay về Tân Sở.

Không yên tâm khi ở Tân Sở, ngày 26 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết

⁴. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (1997), Phạm Thận Duật sự nghiệp văn hoá, sứ mệnh Cần Vương, Hà Nội, tr.79.

⁵. Đoàn hộ tổng xa giá nhà vua vừa rời khỏi hoàng thành, De Courcy liền cho quân chiếm Động Hới (Quảng Bình) và Quảng Nam để chặn đầu khoá đuôi, không cho đoàn chạy thoát ra Bắc hay vào Nam. Ngày 16/8, De Courcy phái chiến hạm "La Lionne" ra do thám cửa Nhật Lệ. Đến 18/7, De Courcy phái luôn một thủy đội trong có năm chiến hạm: Lion, Pluvier, Hugon, Chateau Iquem và Eclairer chở một lữ đoàn bộ binh do thiếu tá Beaumont chỉ huy, ra đánh thành Động Hải (Đồng Hới).

đưa Ngự đạo đi ngược về phía Mai Lĩnh và lánh sang Lào để ra Bắc. Ngự đạo lần theo phía Tây dãy Trường Sơn. Đây thực sự là một hành trình gian khổ vì phải vượt qua rừng rậm, núi cao, suối sâu với khí hậu hết sức khắc nghiệt. Phan Trần Chúc trong tác phẩm “Vua Hàm Nghi” từng viết: “Hết trời những núi cao chót vót mà tính mệnh hành khách bấp bênh từng khắc, từng giờ, lại lội những thác nước chảy xiết, nổi bọt trắng phau. Có khi gặp suối sâu không lội được, ngự đạo phải lưu lại hàng ngày, đóng bè để qua khỏi những nơi nguy hiểm ấy(...) Ngày đêm ngự đạo phải đóng trại trong rừng để nghỉ. Hơi lá khô bốc lên làm cho ai nấy đều ê ẩm cả người. Nhiều người mắc bệnh tê liệt, bị bỏ lại. Người chết thì chôn cất qua loa, nắm đất ấy bên đường thành mồ vô chủ⁶ (...) Đường lội, sông ngập cả đoàn không mấy người không bị sốt vì đổi khí hậu một cách đột ngột. Đội quân của vua Hàm Nghi rút lại chỉ còn một cái kiệu, vua bị sốt ngời trong; sáu cái võng, một con ngựa, ba con voi, 50 gánh hành lý và 200 người vừa quan vừa lính”.⁷

Vì gặp mưa lớn nên vua Hàm Nghi phải lưu lại ở Bàn Tong (Lào) đến hạ tuần tháng 7. Dù mưa chưa ngớt nhưng Tôn Thất Thuyết nóng lòng hội kiến với văn thân bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ nên đưa Ngự đạo cấp tốc lên đường.

Từ Lào sang Việt Nam, Ngự đạo phải vượt qua đèo Quy Hợp. Trước khi vượt đèo, Ngự đạo nghỉ một đêm để lấy sức, sáng hôm sau, cả đoàn cùng khởi hành. Đèo cao mà khúc khuỷu, có chỗ đá nhọn lờm chờm như lưỡi dao, có chỗ đường trơn, không đi nhanh được. Trên đường xuống đèo thì Ngự đạo được Cao Đạt là bộ tướng của quan Sơn phòng Chánh sứ Hà Tĩnh Nguyễn Chánh đón.⁸

Qua đèo Quy Hợp, Ngự đạo do Cao Đạt dẫn đường đi xuống một giải đồng bằng rồi lại tiếp tục đi qua một vài dãy núi khác. Do đó phải mất hơn hai ngày mới tới Sơn phòng Hà Tĩnh. “Lúc này chỉ còn 40 người theo được vua. Con đường đi đã phơi ngang dọc xác của phu và lính mang các của cải của vua và những thứ hàng cần thiết”.⁹

Sơn phòng Hà Tĩnh là một thành nhỏ xây trên trái núi mà nhân dân quen gọi là Ấu Sơn thuộc làng Phú Gia, Hương Khê, Hà Tĩnh. Thành cũng mới xây dựng từ khi lập đường từ Hà Trại - Quy Hợp. Sơn phòng Chánh sứ Nguyễn Chánh là một vị võ quan do triều đình phái ra trấn thủ nơi này. Nhưng ở đây núi

⁶. Trong đó có mẹ và vợ Tôn Thất Thuyết.

⁷. Phan Trần Chúc (1995), Vua Hàm Nghi, Nxb Thuận Hoá, Huế, tr.107.

⁸. Khi còn ở Lào, Tôn Thất Thuyết đã phái người sang Quảng Bình và Hà Tĩnh báo trước hành trình của vua Hàm Nghi cho nên khi biết vua Hàm Nghi sắp tới Quy Hợp thì Nguyễn Chánh, người giữ chức Sơn phòng Hà Tĩnh phái Cao Đạt đi đón.

⁹. H.De Prey, Một thủ đô phù du Tân Sở, in trong Những người bạn cổ đô (tập 1, xuất bản năm 1914); người dịch Đặng Như Tùng, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997, tr.233.

non hiểm trở, dân cư thưa thớt, lương thực thiếu thốn, quân tinh nhuệ cũng chẳng là bao nên khi vua tới Sơn phòng, Nguyễn Chánh liền thông báo đi các nơi. Lãnh binh Hà Tĩnh là Phan Mỹ được tin vội mang năm trăm quân lên Sơn phòng góp với quân Nguyễn Chánh để hộ giá và đề phòng đối phó với quân Pháp.

Vua Hàm Nghi dùng Ấu Sơn làm đại doanh. Ngoài việc thôi thúc các võ quan thao luyện quân sĩ và tu bổ thành trì, một lần nữa, trên đất Hà Tĩnh, Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi ban dụ Cần Vương lần thứ hai (20/9/1885). Trong dụ có đoạn viết: “Khi núi non hiểm trở, Trẫm đã đi quanh co mất hai ngày trời mới tới đây (Hương Khê - Hà Tĩnh). Từ nay ai nấy nên biết rằng Tôn tướng quốc đã đưa Trẫm đến Ấu Sơn thuộc huyện Hương Khê và tất cả các khanh sĩ, tất cả các tỉnh: Tổng đốc, Tuần vũ, Bố chính, Án sát, Lãnh binh, Hiệp quản... đều gần như tề tựu quanh Trẫm,...”¹⁰ Như vậy, việc vua Hàm Nghi khi ra đến Sơn phòng Hà Tĩnh đã uỷ thác cho Tôn Thất Thuyết ban dụ Cần Vương, qua nhiều nguồn tư liệu khác nhau có thể khẳng định rằng: có dụ Cần Vương thứ hai và nó được ban bố ở Hà Tĩnh. Gần đây có ý kiến “không có chiếu Cần Vương thứ hai” là thiếu cơ sở, cần xem xét lại.¹¹

Bằng lời lẽ vừa thân thiết, vừa hào hùng, dụ Cần Vương đã đi vào lòng người, được mọi người đồng lòng hưởng ứng. Phan Trần Chúc trong cuốn “Vua Hàm Nghi” đã viết: “Tờ chiếu này làm cho lòng dân phiến động. Các bậc khoa bảng, các nhà phú hào, kẻ có thế, người có tiền đồng thời mộ dân phu đổi nhà mình làm trường diễn võ, mang cơ nghiệp giúp làm quân lương. Bọn dâm chực người, bọn vài trăm người, bỏ cày cuốc ra cầm gươm, đổi bút lông lấy súng, rong ruổi trên miền Hương Khê”.¹² Thông qua dụ Cần Vương, vua Hàm Nghi kêu gọi: “Các phủ, huyện phải hợp lực với các phủ lý để đi tìm đồng minh đó, thế rồi ta sẽ chống lại quân Pháp, thoát tiên ta phải đánh đuổi chúng khỏi các tỉnh miền Bắc bắt đầu từ Hà Tĩnh. Sau ta sẽ chọn một địa điểm đóng đô. Kết quả này sớm muộn ta phải đạt bằng được.

Trẫm hy vọng rằng tất cả mọi người, quan lại binh sĩ và thường dân đều đồng tâm hợp lực. Như thế thì không còn gì nghi ngờ gì nữa, nước Nam vẫn cứ là của người Nam, mặc dầu quân Pháp có mạnh cũng không thể chinh phục được ta”¹³.

Để khuyến khích, động viên mọi người tham gia đầy nghĩa, dụ Cần Vương có đoạn viết: “Họ tên của những người tận tụy đến cùng với Trẫm để

¹⁰. Phan Trần Chúc (1995), Vua Hàm Nghi, Sđd, tr.122-123.

¹¹. Về cơ bản, giới sử học hiện nay đều thống nhất nhận định có dụ Cần Vương lần thứ 2.

¹². Phan Trần Chúc (1995), Vua Hàm Nghi, Sđd, tr.123.

¹³. Phan Trần Chúc (1995), Vua Hàm Nghi, Sđd, tr.64.

đánh đuổi quân Pháp sẽ được ghi vào một cuốn sổ trong đó sẽ viết câu: “Đây là họ tên của những anh hùng hào kiệt đã góp phần giải phóng vương quốc”.

Thân thuộc của các vị đó sẽ được nhà vua bảo vệ đến muôn đời. Như vậy công trạng của họ không chỉ được truyền dương trong một tháng, một năm mà trong hàng nghìn thế kỷ. Ngoài ra Trẫm sẽ làm cho một cái bia kỷ niệm. Trên đó sẽ ghi công đức của mỗi người và cái bia đó sẽ được đặt trong một đền thờ bên phải. Mỗi người sẽ được Trẫm tùy theo công lao mà khen thưởng”.¹⁴ Võ Hồng Huy trong bài viết “Thêm một danh sĩ” đường đường khí tiết “trong phong trào Cần Vương” viết: “Chiếu chỉ nhanh chóng truyền ra Hà Tĩnh. Hầu hết sĩ phu, dân chúng nhất tề đứng lên, sẵn sàng ứng nghĩa. Âm sinh Lê Ninh, con trai bố chánh Lê Khanh ở Đức Thọ, là một trong những người ở lớp đầu tiên, đứng ra tập hợp lực lượng khởi nghĩa. Làng quê ông được khẩn cấp xây dựng thành một đại đồn. Lúc này, Ngự sử Phan Đình Phùng đang chịu tang mẹ, Lê Ninh trở thành người chỉ huy lực lượng khởi nghĩa cả vùng này”.¹⁵

Tại Hà Tĩnh, các sĩ phu văn thân và nhân dân đã tích cực hưởng ứng dụ Cần Vương. “Khi nghe tin vua Hàm Nghi ra tới Sơn phòng (Hà Tĩnh), thân hào Hà Tĩnh ra phụng chỉ Cần Vương rất đông. Ở Đức Thọ (làng Đông Thái) có ông Phan Đình Phùng (con cụ Tuần phủ Phan Đình Luận), ở Trung Lễ (Lạc Thiện, Đức Thọ) có ông Lê Ninh, Lê Diên, Lê Phác (ba anh em ruột, con cụ Bố chính Lê Văn Khanh), ở Hương Sơn (Ngôi Mỹ) có ông Võ phó bảng Đình Như Hạnh. Các ông tự xuất của nhà ra mộ lấy quân sĩ, rèn lấy khí giới, sẵn sàng hy sinh vì việc nghĩa. Và nhờ có tấm lòng trung ái của dân bản hạt, kẻ giúp tiền bạc, người giúp lương thực cho sự chiêu mộ được kết quả sung mãn...”.¹⁶

Sách “Danh nhân Hà Tĩnh” viết: “Khi xa giá đến Sơn phòng Hà Tĩnh (ở Hương Khê) vào tháng 9/1885, Phan Đình Phùng cùng một số văn thân Hà Tĩnh như Phan Quang Cự, Phan Khắc Ứng, Hoàng Xuân Phong, Nguyễn Khắc Kiều, Phan Trọng Mưu... lên hành tại bái yết. Phan Đình Phùng được phong làm Tán lý Quân vụ thống lĩnh các đạo nghĩa binh Cần Vương. Sau khi gặp gỡ, bàn bạc với Tôn Thất Thuyết, ông về dựng cờ khởi binh tại quê nhà”.¹⁷ Khi gặp đức vua - là người mà cụ Phan vốn đã cảm phục bởi lòng yêu nước và ý chí cứu nước - nay lại phải vất vả gian lao quần áo nhuốm bụi đường, khi trực tiếp nhận dụ Cần Vương, Phan Đình Phùng xót xa mà rằng: “Để cho

¹⁴. Phan Trọng Báu (cb), Đình Xuân Lâm, Phan Huy Lê (2000), Lịch sử Hà Tĩnh, tập 1, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, tr.245.

¹⁵. Võ Hồng Huy (1998), "Thêm một danh sĩ "đường đường khí tiết" trong phong trào Cần Vương", Tạp chí Văn hoá Hà Tĩnh, số 32, tháng 11 & 12, tr.9.

¹⁶. Tư liệu chép tay của dòng họ Lê ở xã Trung Lễ - Đức Thọ - Hà Tĩnh: Hà Tĩnh Ất Dậu ký.

¹⁷. Sổ Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh (1998), Danh nhân Hà Tĩnh, Hà Tĩnh, tr.76.

thành tan nước mắt thánh thượng nhuộm cát bụi là tội của lũ hạ thần. Xin Thánh thượng yên lòng, lũ hạ thần hết sức Cẩn Vương dù chết cũng không từ”.¹⁸

Khi nghe tin vua Hàm Nghi ở Ấu Sơn (Hà Tĩnh), một thủ lĩnh người Tuyên Hóa là Trương Quang Ngọc¹⁹ đã đưa một đội quân Mường rất tinh nhuệ ra giúp vua. Tôn Thất Thuyết thấy Ngọc là một dũng tướng, liền cảm tài và có lòng tin tưởng, phong ngay cho chức Hiệp quân và được cùng với Tôn Thất Thuyết dự vào đoàn quân hộ giá.

Những việc này càng làm cho thực dân Pháp lo ngại. Thống soái De Courcy vội vàng họp các thống tướng Négrier, Briere, Warnet để bàn cách đánh dẹp. Sau cuộc thương lượng này, một kế hoạch hành quân đã được hình thành với mục đích chặn bắt vua Hàm Nghi ở Hà Tĩnh.

Thực hiện kế hoạch, đại tá Chaumont đã từ Huế mang ba chiến hạm ra đánh thành Nghệ An và nhanh chóng giành thắng lợi. Sau khi được bổ sung quân số, từ Nghệ An, quân Pháp tiến vào Hà Tĩnh. Thấy tình hình bất lợi, nhất là sau khi những thất bại đầu tiên của hai thủ lĩnh Cẩn Vương ở Hà Tĩnh là Lê Ninh và Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết đưa vua rời Ấu Sơn đến Quy Đạt, một thôn ở ven sông Nan (một trong ba con sông hợp thành sông Gianh). Cai tổng và dân miền này đổ ra đón. Hành nghi của vua rất oai vệ. Vua Hàm Nghi mặc áo vàng, ngự võng đôn rồng, có bốn thị vệ theo hầu. Kế đến là Đại tướng Tôn Thất Thuyết và Tả quân Trần Xuân Soạn. Theo sau là quân lính hơn trăm người đều đeo gươm và mang súng. Trương Quang Ngọc mang một đội quân Mường đi triệt hậu. Đến Quy Đạt, vua ngự tại nhà Đình Hiền, Tôn Thất Thuyết ở nhà Đình Đồi. Trần Xuân Soạn và tòng binh ở nhà Đình Trọng.

Ba hôm sau, Ngự đạo rời Quy Đạt, kéo lên Đồng Nguyên thuộc làng Cổ Liêm²⁰ rồi quay về xóm Lim ở làng Ba Nương²¹. Sợ quân Pháp thừa cơ đến đánh, nên chung quanh chỗ vua ngự đều thả chông gai và Trương Quang Ngọc đốc thúc quân lính phòng thủ rất nghiêm ngặt. Được 8 ngày, có quân do thám ở Kiên Trinh (Trầnh) đến báo rằng quân Pháp đã từ Bãi Đức đến Trầnh, vua Hàm Nghi phải lánh vào núi Ma Rai thuộc tổng Kim Linh.²²

¹⁸. Phòng Văn hóa - Cục Tuyên huấn (1960), Phan Đình Phùng, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.39.

¹⁹. Lúc đó Trương Quang Ngọc 22 tuổi, người vạm vỡ, có sức mạnh lại giỏi võ, một mình có thể địch hàng trăm người, nhất là có tài bắn cung nỏ.

²⁰. Làng Cổ Liêm thuộc tỉnh Kim Linh xưa, nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

²¹. Làng Ba Nương thuộc tổng Cơ Sa xưa, nay thuộc xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

²². Nay thuộc thôn Đặng Hóa, Xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Quả nhiên chiều hôm sau, quân Pháp do đại úy Hugo chỉ huy kéo đến Ba Nương rất đông. Sau khi biết được đường đi của vua Hàm Nghi, Hugo đem quân truy kích nhưng bị rơi vào trận địa phục kích của quân ta. Toán quân Pháp đi theo đại úy Hugo bị bắn chết quá nửa. Còn chính đại úy Hugo bị Trương Quang Ngọc bắn bị thương nặng bằng tên tẩm thuốc độc. Bị thất trận, Hugo phải thu quân về Bãi Đức, hợp với cánh quân đang đồn trú ở đây kéo toàn bộ trở lại Vinh vào ngày 28 tháng 12 năm 1885. Đến ngày 3 tháng 1 năm 1886, Hugo chết vì tên tẩm thuốc độc đã phát tác.²³

Vùng Ma Rai rất rộng, lọt thỏm giữa một thung lũng hẹp bốn bên núi rừng cao ngất, là một địa bàn hiểm yếu. Chiều dài của thung lũng theo hướng Đông-Tây khoảng 10km, chiều rộng khoảng 1-2km. Muốn vào thung lũng này phải qua hai cái đèo (tiếng địa phương gọi là eo); đèo ông Đùng hay còn gọi là eo Cà Bời, ở phía Đông (nếu đi theo con đường nay thuộc xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa vào); đèo Lập Cập ở phía Bắc (nếu đi theo con đường nay thuộc các xã Hóa Tiến và Hóa Hợp, huyện Minh Hóa vào). Từ thung lũng này, muốn rút lui có hai đường: Vượt qua núi Pun về phía Tây ra La Văn đến Khe Ve hoặc vượt qua dãy Trường Sơn ở phía Nam theo ngã đèo Mụ Giạ (nay thuộc xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa) để qua Lào.

Sau trận thắng Lập Cập, do địa thế vùng Ma Rai rất rộng, rừng núi hoang vu, dân cư thưa thớt nhưng lại quá nghèo, nên giặc bao vây chặn mất đường eo Lập Cập thì khó liên hệ được bên ngoài để mở rộng địa bàn hoạt động và tập hợp lực lượng chống Pháp; nên sau 3 tháng trú đóng, đầu năm 1886, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết quyết định rút khỏi thung lũng Ma Rai, đi về hướng Tây qua núi Pun, theo đường La Văn về Tân Yên²⁴, sau đó chuyển lên Tà Bảo, rồi Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng.²⁵

Vua Hàm Nghi lập căn cứ ở cửa Khe, đắp lũy cao hai thước, tạo thành đồn chiến đấu. Đây là căn cứ nằm ở bên bờ sông Nan - một nhánh quan trọng thuộc thượng nguồn sông Gianh. Trên địa bàn Khe Ve có rất nhiều hang động, nhờ đó vua Hàm Nghi gặp thuận lợi trong việc đóng quân và cất giấu lương thực²⁶. Muốn đến vùng Khe Ve, phải qua hai dãy núi đá Ma Rai và Lập Cập rất hiểm trở. Nhân dân Mường xung quanh rất nghèo khổ vẫn mang lương thực đến

²³. B. Bourotte, "L' Aventure du Roi Ham Nghi", B.A.V.H. N_0.3, 1929, p.148.

²⁴. Tân Yên nay thuộc xã Hóa Tiến, huyện Minh Hóa.

²⁵. Tà Bảo, Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng xưa, nay thuộc xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

²⁶. Căn cứ Khe Ve trước đây thuộc phường Thanh Thiên, tổng Thanh Lạng, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Ngày nay nằm trên tuyến đường 12A từ ngã ba Khe Ve thuộc xóm Nhà Cột, thôn Thanh Long, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, lên đèo Mụ Giạ, giáp biên giới Việt - Lào).

ủng hộ khá nhiều, vua Hàm Nghi thấy vậy liền sai người đem tiền trả lại cho đồng bào.

Lần đầu bất lợi, quân Pháp phải đình lại hàng tháng không giám tiến lên ngọn sông Nai. Sang đầu năm 1886, trung úy Camus và Freystatter lại được lệnh mang quân đi hợp với quân Pháp ở Hà Tĩnh lên sông Nai đánh nhau với quân vua Hàm Nghi.

Khởi hành từ Vinh, ngày 10 tháng giêng, quân Camus qua Tóc Kỳ, Lang Mai, tới một xóm ở gần Ve thì được tin rằng đêm trước Trương Quang Ngọc cùng với hai trăm quân Mường có đóng ở vùng này. Tiến rất thận trọng, ngày 17 tháng giêng, quân Camus tới gần cửa Khe thì bị quân Mường đón đánh. Hai bên giao chiến ngót một ngày, trung úy Camus trúng 4 tên nỏ, bị thương nặng phải giao quyền chỉ huy cho trung úy Freystatter²⁷. Quân Pháp tiến sang sông Ve (Khe Mới), bị quân ta bắn sang như mưa, trung úy Camus định vượt sang sông thì bị bắn chết. Quân Pháp đại bại, trung úy Freystatter lại phải chạy về Bãi Đức, rồi về Vinh vào ngày 21 tháng 1 năm 1886.²⁸

Bị hai lần thất bại và tổn thất mất hai tướng, quân Pháp xác định phải đánh đồn cửa Khe và tiêu diệt Sơn triều²⁹ của Hàm Nghi bằng mọi giá.

Từ Vinh thiếu tá Plagnol sang ngã Bãi Đức đánh vào. Về phía Hà Tĩnh, thiếu tá Pelletier mang đại đội qua đèo Quy Hợp, theo Khe Ròi tiến xuống cửa Khe. Hai lũ đoàn đồng thời cùng đánh vào đồn. Quân Mường ở trong thành bắn nỏ ra, quân Pháp bị thiệt hại nhiều, nhưng quân Trương Quang Ngọc vì ít quá, phải bỏ đồn mang vua Hàm Nghi chạy vào trong rừng, còn Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn thì từ đường Quy Đạt chạy sang Hà Tĩnh.

Lục lợi trong đồn, thiếu tá Pelletier thu được nhiều ngựa, gươm súng và quần áo thường dùng của vua Hàm Nghi. Tuy thất trận nhưng cái uy danh của Trương Quang Ngọc lừng lẫy từ bấy giờ. Sau này, quân địch mỗi lần nghe tên dũng tướng ấy đều khiếp sợ.

Sau khi thua trận ở cửa Khe, Trương Quang Ngọc và Tôn Thất Thiệp đưa vua Hàm Nghi chạy sang núi Ma Rai, cách cửa Khe chừng vài chục dặm. Lúc trốn chạy, nhà vua không kịp dùng cơm. Sức mỗi song lòng không mỗi, vua Hàm Nghi theo chân Trương Quang Ngọc cùng gần 100 binh lính vượt

²⁷. Prud'homme, L'Annam du 5 Juillet au 4 Avril 1886, Chapelot, Paris, 1901, p.120.

²⁸. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Danh nhân Quân sự Việt Nam, tập 5, Thời Nguyễn - Kháng chiến chống thực dân Pháp và giai đoạn đầu Cần Vương, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.172.

²⁹. Sơn triều là cách gọi của nhân dân địa phương để chỉ triều đình chống Pháp trên núi rừng Tuyên Hóa (nay phần lớn nằm trên địa bàn huyện Minh Hóa) của vua Hàm Nghi tại Quảng Bình giai đoạn 1885-1888.

khe đá, len bụi gai, lẫn lút trong rừng. Nhà vua nhờ được rèn luyện gian lao thành người nhẫn nại và đón cuộc phong trần bằng thái độ thản nhiên.

Sau khi chạy đến Ma Rai, Sơn triều Hàm Nghi thường xuyên di chuyển, khi ở Ma Rai, khi về Thanh Cước, lúc lại sang Khe Ve, quanh quẩn mãi trong vùng rừng núi Quảng Bình, Hà Tĩnh và Cam Môn (thuộc Lào). Hai lữ đoàn tăng cường của trung tá Metzinger và trung tá Mignot đưa quân săn lùng ráo riết nhưng không tài nào tìm được vua Hàm Nghi, nên cuối cùng phải rút về đóng ở Quảng Khê (cửa sông Gianh) và thành Đồng Hới.

Vua Hàm Nghi biết rằng tự mình không thể cầm súng chống cự với quân Pháp, không có vũ khí để nhảy lên mình ngựa mà điều khiển ba quân, nhưng mình là trụ cột của cuộc chiến đấu. Nếu mình còn ở ngoài vòng cương tỏa thì ý chí khôi phục quốc gia vẫn còn. Bất hạnh mình bị giết hay bị bắt thì nhuệ khí của tướng sĩ tất yếu sẽ suy giảm mà vận mệnh quốc gia cũng vì vậy mà tan biến.

Vua Hàm Nghi thường nói mình thích chết trong rừng hơn là trở về làm vua mà ở trong vòng kiềm tỏa của người Pháp. Tôn Thất Thiệp, người bảo vệ cho vua Hàm Nghi, sau này cũng công nhiên nói với mọi người rằng mình thích để cho vua Hàm Nghi chết trong lưới gươm của mình hơn là bỏ vua sa vào tay quân Pháp.

Sau những lần càn quét mà không đem lại kết quả, tháng 7 năm 1886, Đồng Khánh đã ra tận Quảng Bình để yết sứ: “Tất cả đầu mục bọn giặc biết dẫn thân đầu thú ở nơi hành tại, đều miễn tội: người nào nguyên trước có quan chức đều vẫn cho theo như cũ (sau các địa phương cũng theo chiếu thế mà làm); người nào bắt chém được đầu sỏ bọn phản nghịch là Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Phạm Tuân thì thưởng quan hàm có thứ bậc”.³⁰ Sau đó, Đồng Khánh lại dùng chiêu bài mua chuộc, dụ dỗ thân hào giải tán binh đồng, trở về với triều đình: “Hiện nay, chuẩn cho cựu thần Hoàng Kế Viêm khai phục Đông các Đại học sĩ sung làm An phủ kinh lý đại thần Hữu trực kỳ cũng muốn cho yên dân, không phải muốn đánh lấy thắng. Từ nay thân hào đều nên sớm biết quay đầu về, cho giải tán binh đồng, bó thân về với triều đình, hoặc do các địa phương, hoặc do các quân thứ các tỉnh bảm xét”.³¹ Tuy đích thân vua Đồng Khánh đã ra chiếu phủ dụ những lãnh tụ phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình chiêu hàng nhưng kế hoạch vẫn thất bại. “Sau đó, Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình, sai người dụ Lê Trực về hàng, nhưng Lê Trực nhất quyết không chịu, chỉ có bọn thủ hạ lác đác vài người ra đầu thú mà thôi. Bởi vậy, việc

³⁰. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, tập 9, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, tr.270.

³¹. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Sđd, tr.282.

Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình kinh lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm Đinh Hợi (1887), lại phải triệt về”.³²

Lúc này vua Hàm Nghi là linh hồn của cuộc chiến đấu nên quân Pháp tìm mọi cách để bắt cho được nhà vua. Chỉ huy của cuộc đánh dẹp là Prud'homme từng tuyên bố: “Nếu vua Hàm Nghi bị bắt thì đạo quân Cần Vương dù mạnh đến mấy cũng phải tan, vì vua là linh hồn, mà quân Cần Vương chỉ là thân thể. Nếu linh hồn mất thì tự nhiên thân thể tiêu tan. Các cuộc hành quân cần quét phải được tổ chức với cường độ mạnh và mật độ dày đặc”.³³

Paul Bert, vị toàn quyền Đông Dương lúc này cũng đã nghĩ đến việc lập vua Hàm Nghi làm vua 4 tỉnh miền Bắc Trung Kỳ, Paul Bert tin rằng vua Hàm Nghi mà chịu hòa thì Cần Vương không sao chủ chiến được nữa.

Được sự bảo vệ của Trương Quang Ngọc cùng nhân dân, quân Pháp dù biết vua Hàm Nghi ẩn ở vùng rừng núi giáp ranh giữa Hà Tĩnh, Quảng Bình (Việt Nam) và Cam Môn (thuộc Lào) nhưng không biết đích thực ở đâu, cho nên có lúc người ta đã phao lên rằng vua Hàm Nghi bị bệnh thương hàn đã chết.

Đồ nhật dụng của vua gồm có mấy món: nước mắm, cá khô, lá ngáy hương. Những thứ này do một người tên quen gọi là Bát Danh ở phủ Quảng Trạch cung tiến. Tung tích bí mật của nhà vua ngoài mấy người hầu cận và đội quân Mường của Trương Quang Ngọc còn lại không ai được biết.

Biểu ở các nơi đều gửi về Thác Đài (thuộc làng Cổ Liêm) và do Tôn Thất Đàm dâng vua, vì Tôn Thất Thuyết sau khi sang Trung Quốc cầu viện đã giao lại cho con trai Tôn Thất Đàm cùng với Nguyễn Phạm Tuấn nhiệm vụ giúp vua xử lý công việc.

Tôn Thất Đàm là trung gian ở giữa vua Hàm Nghi và quân Cần Vương các tỉnh. Các tướng biết có vua Hàm Nghi đứng đầu nhưng không bao giờ được trông thấy vua Hàm Nghi. Đôi khi với quân sĩ, vua Hàm Nghi không phải là một con người mà là một vị thần, là cái đích cho sự sùng bái và hy sinh của dân chúng.

“Đất Quảng Bình là nơi ẩn náu của vua Hàm Nghi và triều đình kháng chiến. Nơi đây là trái tim của phong trào Cần Vương. Vì vậy thực dân Pháp và cả triều đình Đồng Khánh đổ dồn lực lượng vào tỉnh này để tiêu diệt cơ quan đầu não của phong trào”.³⁴ Sau khi tập trung lực lượng tiêu diệt được cuộc khởi

³². UBND tỉnh Quảng Bình (2014), Danh nhân Quảng Bình (Tuyển tập báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia), Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr.824.

³³. Trần Thị Mỹ, "Phong trào Cần Vương Hà Tĩnh", Khoá luận tốt nghiệp chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Huế, Khoá 1996-2000; tr.35.

³⁴. Phan Canh, Đào Đức Chương (1997), Thi ca Việt Nam thời Cần Vương (1885-1900), Nxb Văn học, tr.20.

nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình, thực dân Pháp nhận thấy cuộc đánh dẹp của mình ở Trung Kỳ đã gần đi đến thắng lợi cuối cùng. Chúng chỉ mong mỗi một điều là bắt cho được vua Hàm Nghi. Căn cứ vào những thông tin tình báo mà chúng có được, chúng biết người bảo vệ đắc lực cho nhà vua là Trương Quang Ngọc và nếu bắt hoặc mua chuộc được Trương Quang Ngọc thì đại sự sẽ thành công.

Ngày 18 tháng 7 năm 1887, đại úy Moutecaux mang 32 tên lính Ả rập và 25 lính Việt từ Minh Cầm lên Ve. Tới nơi, Moutecaux để lại mấy người đón đường, phòng khi ở đây có người chạy đi báo cho Trương Quang Ngọc biết. Từ Ve, lần theo khe suối, Moutecaux lên Thanh Cước, bỏ vây lấy cả xóm. Khám một nhà, quân Pháp bắt được một ít vừa giáo, cung, vừa tên độc và một số đạn kiểu 1874, cùng những khí giới của thiếu úy Camus và đại úy Hugo bị Trương Quang Ngọc giết chết năm 1886.

Sau khi được viên lý trưởng Thanh Cước báo Trương Quang Ngọc đang ẩn náu ở Chà Mác, Moutecaux vội chia quân làm hai toán. Một toán do đích thân Moutecaux chỉ huy, dùng 6 chiếc thuyền đi ngược dòng sông Nai lên Chà Mác, toán thứ nhì giao cho một viên quản xuyên rừng, qua xóm Ve đi ngược lên Chà Mác. Một giờ sau, quân Pháp tới Chà Mác, nhưng vừa ra khỏi rừng, vào làng thì một người phụ nữ Mường thoáng nom thấy, tri hô lên. Viên quản nổ súng bắn chết người phụ nữ, nhưng chính Trương Quang Ngọc và những quân Mường khác thì đã nhảy cả xuống đò buộc ở bờ mà chèo qua sông Nai dưới làn mưa đạn của quân Pháp.

Đại úy Moutecaux đi đường thủy, khi tới Chà Mác thì viên quản đã ở đó và cho biết Trương Quang Ngọc đã chạy thoát vào rừng. Khám chỗ ở của Trương Quang Ngọc, quân Pháp bắt được 2 ngọn giáo, 5 cái nỏ, một ít tên độc và một cái túi trong có nhiều bằng cấp, mề đay và tiền kẽm. Ngoài ra, đại úy Moutecaux lại bắt được một ống thuốc phiện và một cái bàn đèn.

Mùa hè 1887, đại úy Moutecaux giao cho viên chánh tổng Cơ Xá trả lại cho Trương Quang Ngọc ống thuốc phiện và cái bàn đèn bắt được trước đây của Ngọc. Ngoài ra, đại úy Moutecaux còn gửi dâng vua Hàm Nghi một tạ gạo trắng và hai bức thư của Thái hậu Từ Dũ và vua Đồng Khánh khuyên vua Hàm Nghi ra hàng. Một bức thư thứ ba của đại úy Moutecaux gửi riêng cho Trương Quang Ngọc khuyên Ngọc bắt vua Hàm Nghi mà lập công. Những bức thư này đều do tay Cả Hinh là bố vợ Trương Quang Ngọc trao lại cho Ngọc. Mấy hôm sau Trương Quang Ngọc trả lời Moutecaux, trong đó nói rất cảm động vì đại úy đã trả lại thuốc phiện cùng cái bàn đèn và hứa sẽ giúp Moutecaux bắt vua Hàm Nghi, chí mưu phản của Trương Quang Ngọc bắt đầu từ đây.

Ngày 12 tháng 10 năm 1888, Nguyễn Đình Tình - thành viên trong đội hộ

giá vua Hàm Nghi, ra hàng ở đồn Đông Ca và khai báo nhiều điều bất lợi cho vua Hàm Nghi cùng đoàn hộ giá. Đại úy Boulanger, trưởng đồn Đông Ca giao cho Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tinh một đội quân Mường cùng nhiệm vụ bắt vua Hàm Nghi.

Đêm ngày 1 tháng 11 năm 1888, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tinh mang theo 20 tên lính áp sát chỗ ở của vua Hàm Nghi. Nghe động, trong nhà có hai người là quan Thống chế Nguyễn Thúy và con trai Nguyễn Thúy (giữ chức Tham biện Nội các) vọt nhảy ra liền bị Trương Quang Ngọc đánh chết. Tôn Thất Thiệp vác gươm chạy ra, chực xông vào đánh trả thì bị Cao Việt Lượng, người Thanh Cước, phóng một ngọn giáo xuyên qua ngực, Tôn Thất Thiệp hy sinh khi chưa tròn 18 tuổi.

Vua Hàm Nghi đang ngủ sực tỉnh dậy, cũng cầm gươm bước ra. Biết mình bị làm phản, vua chia gươm bảo Trương Quang Ngọc: “Mày giết ta đi còn hơn là mày mang ta ra nộp cho bọn Tây”. Nhưng nhà vua vừa mới dứt lời thì Ngài bị một tên lính Mường là Thanh Cối giựt gươm và nhảy vào ôm lấy ngang lưng nhà vua. Từ đó vua Hàm Nghi không nói năng gì nữa.

Ngày 2 tháng 11 năm 1888, Trương Quang Ngọc đưa vua Hàm Nghi đến Ngã Hai rồi đóng bè về đồn Thanh Lạng (Tuyên Hoá - Quảng Bình). Ngày 5 tháng 11 năm 1888, vua Hàm Nghi bị áp giải về Động Hải (Đồng Hới) và sau đó xuống thuyền vào Thuận An (Huế).

Trên đường vào Huế, vua Hàm Nghi tin rằng mình sắp bước vào cõi chết, cho nên nhà vua đã hết lo buồn và tỏ ra rất điềm tĩnh. Khi Trương Quang Ngọc đọc lá thư của đại úy Boulanger gửi cho vua Hàm Nghi, nhà vua lắc đầu và nói: “Thư ấy gửi cho các người ấy, chứ có gửi cho ta đâu!”. Bọn Ngọc khuyên nhà vua nên hợp tác với Pháp để được an hưởng phú quý, nhà vua nói: “Các người bắt ta nộp cho Tây. Bây giờ dù các người ăn thịt ta, ta cũng phải chịu chứ ta biết làm thế nào được”. Thỉnh thoảng nếu nhà vua có thốt ra một câu nào thì trước sau vẫn là câu: “Mệnh trời, ta tránh sao được”.

Hai người “có công” trong việc bắt vua Hàm Nghi là Nguyễn Đình Tinh và Trương Quang Ngọc đều được thực dân Pháp trọng thưởng. Nguyễn Đình Tinh được bổ vào làm Hiệp quản ở Bình Thuận, nhưng rồi tự nhiên mất tích, không ai biết mai một ở đâu. Còn Trương Quang Ngọc được thăng chức Lãnh binh. Song Ngọc đến nhận chức nơi nào cũng bị các quan, dân khinh bỉ, không thèm giao thiệp với tên hại vua, phản quốc. Không thể chịu đựng được sự nhục nhã, Ngọc phải xin bỏ về đóng ở đồn Thanh Lạng, ngay tại quê nhà.

Tối 24 tháng chạp năm 1893, Trương Quang Ngọc đang hút thuốc phiện thì chợt ngoài đồn có tiếng hò reo, tiếp theo một toán quân có đủ khí giới phá

cửa xông vào. Trương Quang Ngọc toan chống trả song bị trúng đạn vào vai rồi bị giết chết bằng gươm. Mất chủ tướng, quân trong đồn không chống cự nổi, đều bị tiêu diệt.

Người chỉ huy quân đội đánh chiếm đồn Thanh Lạng và giết chết Trương Quang Ngọc là Lãnh Thạc, bộ tướng của Phan Đình Phùng.³⁵

Lãnh Thạc phóng hỏa đốt đồn Thanh Lạng, và xách đầu Trương Quang Ngọc đến treo ở túp nhà tại khe Tá Bào là chỗ vua Hàm Nghi ở trước khi bị Ngọc làm phản bắt giao cho Pháp.³⁶

Tại Huế, Khâm sứ Pháp là Rheinart, đại tá chỉ huy đạo quân Huế và các nhân viên viện Cơ mật đáp tàu Rafale ra bệ kiến vua Hàm Nghi. Nhưng nhà vua cáo ốm không tiếp. Nhưng sau bị trung úy Bonnefoy bắt ép vua Hàm Nghi phải sang hội kiến với Khâm sứ Rheinart song nhà vua tỏ ra rất lãnh đạm.

Rheinart hỏi: “Thái hậu đang yếu nặng. Nếu nhà vua có muốn thăm, tôi sẽ cho mang tàu về đón ra đây để nhà vua được hỏi han đôi lời”. Vua Hàm Nghi sầm nét mặt và đáp: “Tôi thân đã tù, nước đã mất thì còn dám nghĩ gì đến cha mẹ, anh chị em nữa”. Nói xong, nhà vua cáo từ lánh về phòng nghỉ.

Cự tuyệt trước mọi mua chuộc của thực dân Pháp, 4 giờ sáng ngày 25 tháng 11 năm 1888, vua Hàm Nghi bị Pháp đưa xuống tàu đi Lăng Cô rồi vào Sài Gòn; cuối cùng chúng đày nhà vua sang Angiêri. Vua Hàm Nghi sống ở đất khách quê người cho đến lúc mất (1944).

Trong khoảng thời gian 4 năm 3 tháng trên ngai vàng, vua Hàm Nghi đã có trải nghiệm 3 tháng trôi đèo lội suối mất hàng trăm dặm, để trốn tránh sự truy đuổi của kẻ thù từ Huế đến Hà Tĩnh (7/1885 - 10/1885); nhưng lại có đến 3 năm thiết lập, điều hành bộ máy triều đình kháng chiến ở núi rừng Quảng Bình (10/1885 - 10/1888), để lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc đầy khó khăn, thử thách.

Chính sự hưởng ứng sôi nổi, quyết liệt và rộng khắp của nhân dân Quảng Bình nói riêng, nhân dân cả nước nói chung theo tiếng gọi yêu nước của vua Hàm Nghi (giai đoạn 1885 - 1888), đã có lúc làm cho nền thống trị của thực dân Pháp hết sức rối loạn, quyền lực của chúng dường như chỉ giới hạn ở kinh đô Huế. Sự hy sinh vì đại nghĩa Cần Vương của nhân dân Quảng Bình cũng tác động sâu sắc đến nhận thức và tư tưởng của vua Hàm Nghi, thúc đẩy nhà vua quyết tâm duy trì cuộc kháng chiến chống Pháp đến cùng. Vì thế ngay cả khi đã

³⁵. Phòng Văn hóa - Cục Tuyên huấn (1960), Phan Đình Phùng, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.56.

³⁶. Đào Trinh Nhất (1906), Phan Đình Phùng, Nxb Tân Việt, Sài Gòn, tr.258.

rơi vào tay giặc, nhà vua vẫn không buông xuôi, không chịu đầu hàng kẻ thù và chấp nhận cuộc sống lưu đầy. Điều đó đã tạo nên hình ảnh cao đẹp trong lòng nhân dân về vị vua kháng chiến của triều Nguyễn, về Sơn triều kháng Pháp mà vua Hàm Nghi đã tạo dựng trong 3 năm ròng đứng chân trên đất Quảng Bình.³⁷ Lịch sử đã lùi xa nhưng không phải vì vậy mà vết bụi quá khứ có thể xoá mờ tất cả. Những hoạt động yêu nước và đóng góp to lớn của những nghĩa sĩ Cần Vương Quảng Bình như Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Mai Lượm, Đoàn Đức Mậu, Hoàng Văn Phúc... và đặc biệt là vua Hàm Nghi đối với lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Quảng Bình nói riêng những năm cuối thế kỷ XIX vẫn luôn là ngọn lửa ấm tạo dựng nên sự vững chắc của truyền thống yêu nước trên quê hương Quảng Bình hôm nay và mãi về sau.

³⁷. Nguyễn Quang Trung Tiến (2014), Vua Hàm Nghi và Sơn Triều kháng Pháp ở Quảng Bình; Bài viết đăng trong Danh nhân Quảng Bình (Tuyên tập báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia), Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr.914-915.